TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2024/DS-ST
Ngày 13-6-2024
V/v tranh hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn H

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm D.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Hoài T, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: Ấp Hòa H, xã T Th, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Dương Bích Th, sinh năm 1956; Địa chỉ cư trú: Ấp T H, xã Tạ An Khương N, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1956; Địa chỉ cư trú: Ấp T H, xã Tạ An Khương N, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Anh T trình bày:*

Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016, ông H và và Th có nhiều lần đến hỏi mua thiếu con giống tôm thẻ. Do quen biết nên anh đồng ý bán. Đến ngày 16/4/2016 thì ông H và bà Th còn nợ 32.360.000 đồng. Sau đó từ năm 2016 đến ăm 2022 ông H và bà Th có trả nhiều lần được số tiền 4.560.000 đồng. Còn nợ lại 27.800.000 đồng. Nay anh T yêu cầu ông H và bà Th trả lại số

tiền mua tôm thẻ giống còn thiếu là 27.800.000 đồng.

** Bị đơn ông H trình bày:*

Cách nay khoảng 10 năm ông có mua con giống của ông T, không nhớ số lượng và tổng số tiền con giống là bao nhiêu, sau đó có trả nhiều lần và đã trả dứt điểm khoản 2 năm nay, việc trả tiền không có làm giấy tờ. Nay anh T khởi kiện yêu cầu trả số tiền mua tôm giống còn nợ 27.800.000 đồng ông không đồng ý.

** Theo đơn giải trình đề ngày 17/5/2024 của bà Dương Bích Thuỷ thể hiện:* Bà không tham gia việc mua bán tôm giống giữa ông T và ông H nên không liên quan đến giao dịch này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Dương Bích Th vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Thuỷ là phù hợp.

[2] Về nội dung: Anh T khởi kiện yêu cầu anh H và chị Th trả số tiền mua tôm thẻ giống còn nợ là 27.800.000 đồng. Thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án ông H có thừa nhận có mua tôm thẻ giống của anh T nhưng không nhớ về số lượng cũng như số tiền. Như vậy có cơ sở xác định giao dịch mua bán giữa anh T với ông H, bà Thuỷ là thực tế có xảy ra nên đây là tình tiết sự kiện không pH chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà anh T cung cấp đoạn ghi âm giữa anh với bà Th, nội dung bà Th có thừa nhận còn nợ tiền nhưng yêu cầu anh T rút đơn, bà sẽ trả dần, nếu anh T không rút đơn thì bà không trả. Ông H thừa nhận tiếng nói trong đoạn ghi âm là của bà Thuỷ nhưng ông H cho rằng đã thanh toán đầy đủ. Xét thấy, việc ông H cho rằng đã thanh toán tiền xong cho anh T nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc đã thanh toán dứt điểm nên không có cơ sở xem xét.

Về nghĩa vụ thanh toán: Bà Th cho rằng không liên quan đến giao dịch mua bán trên. Thấy rằng, giao dịch mua bán giữa anh T với ông H phát sinh trong thời gian ông H và bà Th còn tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, bà Th dù không trực tiếp đứng ra giao dịch nhưng có biết việc ông H mua tôm giống của anh T nên bà Thuỷ pH cùng có nghĩa vụ trả nợ cùng ông H theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ các lập luận nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Buộc ông H và bà Thuỷ có nghĩa vụ trả cho anh Hồ Hoài T số tiền 27.800.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự: Anh T không pH chịu do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Ông H và bà Thuỷ pH chịu 1.435.000 đồng (27.800.000 đồng x 5% = 1.435.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Hoài T, buộc ông Trần Văn H và bà Dương Bích Th trả cho ông trả cho anh T số tiền 27.800.000 đồng (hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H và bà Th chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bà Phượng còn pH chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Anh T không pH chịu, đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 695.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001043 ngày 15/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D được nhận lại. Ông H và bà Th pH chịu 1.435.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai